

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 20 – 01 – 2020.

*V/v Không công nhận
quan hệ vợ chồng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ S, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Lệ Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Ngọc Cận;

2. Bà Võ Ngọc Các.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 274/2019/TLST-HNGĐ, ngày 30/10/2019, về “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 216/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/12/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Ngọc T, sinh năm 1961; Địa chỉ: Nhà D1-19 số 31, khóm A, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1959; Địa chỉ: Nhà D1-19 số 31, khóm A, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 10 năm 2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Võ Ngọc T trình bày:

Trước đây, bà Võ Ngọc T và ông Nguyễn Hữu L là vợ chồng nhưng đã được Tòa án nhân dân thị xã S giải quyết cho ly hôn vào năm 1991. Thời điểm đó, ông bà có một người con chung là Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1986, được Tòa án quyết định giao con cho bà T nuôi dưỡng. Tuy nhiên đến năm 1992, ông

bà chung sống lại với nhau như vợ chồng và không đăng ký kết hôn. Ông bà sinh thêm một người con chung tên Nguyễn Thanh L, sinh ngày 08/08/1995.

Trong thời gian chung sống, bà T và ông L xảy ra nhiều mâu thuẫn, đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Ông L lại có mối quan hệ với người phụ nữ khác, khi về nhà thì thường gây cãi nhau với bà T.

Tại phiên tòa, bà Võ Ngọc T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà và ông Nguyễn Hữu L là quan hệ vợ chồng.
- Về con chung: Con chung Nguyễn Thanh L, sinh ngày 08/08/1995 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại tờ tường trình ngày 08/11/2019 và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Hữu L trình bày:

Ông và bà Võ Ngọc T là vợ chồng hợp pháp và đến ngày 08/05/1991, ông bà ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn của Tòa án nhân dân thị xã S. Năm 1992, ông bà chung sống lại với nhau nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Trong thời gian chung sống, ông bà sinh được một người con chung tên Nguyễn Thanh L, sinh ngày 08/08/1995. Về tài sản chung: Ông bà có một số tài sản chung gồm nhà số 346/13 đường L, khóm C, phường D, thành phố S và căn nhà số D1-19 số 31, khóm A, phường B, thành phố S. Đối với các tài sản chung này, ông bà tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có. Đối với yêu cầu của bà T về việc không công nhận quan hệ vợ chồng thì ông không đồng ý vì ông còn thương vợ và cần có trách nhiệm với con.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9, Điều 14 và 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Võ Ngọc T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/10/2019 của bà Võ Ngọc T thì bà và ông Nguyễn Hữu L chung sống lại với nhau vào năm 1992 (sau khi đã ly hôn vào năm 1991) nhưng ông bà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật; Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giải quyết “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*” là đúng theo quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Trong vụ án, nguyên đơn bà Võ Ngọc T và bị đơn ông Nguyễn Hữu L đều đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại số Nhà D1-19 số 31, khóm A, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân thành phố S thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và lời trình bày của bà Võ Ngọc T tại phiên tòa, bà và ông Nguyễn Hữu L kết hôn vào năm 1986, đến năm 1991 thì ông bà ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn ngày 08/05/1991 của Tòa án nhân dân thị xã S. Năm 1992, ông bà chung sống lại với nhau nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tại tờ tường trình ngày 08/11/2019 và tại phiên tòa, ông Nguyễn Hữu L thừa nhận ông và bà Võ Ngọc T chung sống với nhau từ năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn. Từ những lời thừa nhận của các đương sự, căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh nên Tòa án xác định bà Võ Ngọc T và ông Nguyễn Hữu L không đăng ký kết hôn là sự thật. Mặt khác, trong thời gian chung sống, ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến dẫn đến cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc. Hiện nay bà T xác định không còn tình cảm đối với ông L, ông bà đã sống ly thân hơn 7 tháng nay và không thể hàn gắn lại được tình cảm. Đối với yêu cầu của bà T về việc không công nhận quan hệ vợ chồng thì ông L không đồng ý do ông còn thương vợ thương con. Xét lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà T và ông L sống chung với nhau từ năm 1992 nhưng không có đăng ký kết hôn và đến nay quan hệ tình cảm giữa các bên thực sự không còn, ông bà đã sống ly thân một thời gian dài mà không thể hàn gắn lại được. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 9, 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của bà T và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông L.

[3] Về con chung: Bà Võ Ngọc T và ông Nguyễn Hữu L xác định trong thời gian chung sống, ông bà sinh được người con chung tên Nguyễn Thanh L, sinh ngày 08/08/1995. Hiện con chung đã thành niên, bà T và ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Bà Võ Ngọc T và ông Nguyễn Hữu L thống nhất xác định tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà Võ Ngọc T và ông Nguyễn Hữu L thống nhất xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bà Võ Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Nguyễn Hữu L không phải chịu án phí.

[8] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào các Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Ngọc T.

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Võ Ngọc T và ông Nguyễn Hữu L.

2. Về con chung: Con chung Nguyễn Thanh L, sinh ngày 08/08/1995 đã thành niên, bà Võ Ngọc T và ông Nguyễn Hữu L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Võ Ngọc T và ông Nguyễn Hữu L thống nhất xác định tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Võ Ngọc T và ông Nguyễn Hữu L thống nhất xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu

tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009533 ngày 23 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Bà Võ Ngọc T đã nộp xong án phí. Ông Nguyễn Hữu L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thành phố S;
- CCTHADS thành phố S;
- Các đương sự;
- UBND phường B, thành phố S;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**T.M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vương Thị Lệ Hằng